

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **600/2023/DS-PT**

Ngày: 04/12/2023

V/v tranh chấp "Đòi lại quyền sử dụng đất".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Tâm

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

2. Bà Nguyễn Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày **04** tháng **12** năm **2023**, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Đòi lại quyền sử dụng đất"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 197/2023/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 841/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Ngô Thị H**, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1959. Địa chỉ: số X, đường L, Phường A, Thành phố M, Tiền Giang (có mặt).

*** Bị đơn:**

1. Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1975 (có mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Th**, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: số 1191, tổ 6, ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Nguyễn Thị Ngọc Th: Ông **Trần Ngọc Q**, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Trần Ngọc Q, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Thanh B.** Chức vụ: Chủ tịch. Địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang (xin vắng mặt);

2. Bà **Ngô Thị C**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Trị, huyện G, Tiền Giang

3. Bà **Ngô Thị S**, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện G, Tiền Giang

4. Bà **Ngô Thị L**, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TH, xã TT, huyện G, Tiền Giang;

5. Bà **Ngô Thị Đ**, sinh năm 1966 (có mặt).

6. Anh **Ngô Văn T1**, sinh năm 1970 (có mặt).

7. Anh **Ngô Văn T2**, sinh năm 1972 (có mặt).

8. Chị **Ngô Thị Th**, sinh năm 1976(có mặt).

9. Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1941 (có mặt).

Cùng địa chỉ: số A, đường T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông **Phạm Văn Ng**, (vắng mặt).

11. Anh **Phạm Văn D**, sinh năm 1969 (vắng mặt).

12. Anh **Phạm Minh T3**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

13. Anh **Phạm Minh C1**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

14. Chị **Phạm Thị Kim Thủy**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện G, Tiền Giang

15. Ông **Ngô Văn H**, sinh năm 1967 (vắng mặt).

16. Bà **Ngô Thị G** (1941-2022);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị G:

16.1 Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1975 (có mặt).

16.2. Ông **Ngô Văn H**, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện G, Tiền Giang;

* *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ngô Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

* *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:*

Nguồn gốc đất trước đây là của bà Lê Thị N (bà ngoại của ông Ngô Văn T, mẹ ruột bà Ngô Thị G cũng là bà nội của bà). Năm 1985, bà Lê Thị N cho con ruột là Ngô Thị G phân đất hà lãng sát kênh Tham Thu không rõ diện tích là bao nhiêu. Lúc đó, cặp sát phân đất hà lãng có con đường nước rộng khoảng 4m dài khoảng 40m, bà Lê Thị N không cho bà Gầm vì con đường nước này dùng để bơm và thoát nước cho phần ruộng phía sau liền kề là đất của bà. Sau đó, bà Ngô Thị G cho hai con là Ngô Văn H

và Ngô Văn T mỗi người một nửa diện tích để canh tác. Ông Ngô Văn H canh tác thấy không hiệu quả mới giao lại cho em là Ngô Văn T sử dụng luôn phần đất của mình. Sau đó, bà Lê Thị N cho bà phần đất ruộng diện tích 3.890m² phía sau liền kề với phần đất của bà Ngô Thị G. Năm 1996, bà Ngô Thị G được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 070.QSĐĐ ngày 17/12/1996, tờ bản đồ số 1, thửa 652, diện tích 880m² (phần đất hà lãng mà bà Năm cho bà Gắm năm 1985). Năm 2003, bà Ngô Thị G chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho con là ông Ngô Văn T và ông T được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00070.QSĐĐ ngày 17/3/2004, tờ bản đồ số 1, thửa 652, diện tích 880m². Năm 2009, ông Ngô Văn T được Ủy ban nhân dân huyện G cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03805 ngày 15/7/2009, tờ bản đồ số 6, thửa số 85, diện tích 984,9m². Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Ngô Văn T không cho bà sử dụng đường nước, nên ngày 26/9/2013 bà có đơn tranh chấp quyền sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân xã Y và được hòa giải ngày 01/10/2013 ý kiến của bà Ngô Thị G: “cha mẹ cho bà đất đai chứ không cho đường nước”; biên bản ngày 18/10/2013 và biên bản ngày 14/11/2013 kết quả hòa giải không thành; biên bản ngày 20/8/2015 với sự tham dự của ông Võ Tấn H, Phó Chánh thanh tra huyện, kết quả không thành hướng dẫn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân huyện. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03805 ngày 15/7/2009 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Ngô Văn T với diện tích là 984,9m²; trong đó đất ở nông thôn 300m² và đất trồng cây lâu năm 684,9m² tọa lạc tại ấp T, xã Y, huyện G. Phần diện tích đất này do bà Ngô Thị G cho ông Ngô Văn T tuy nhiên trong biên bản về việc thẩm tra, đo đạc diện tích đất lập ngày 26/3/2003 có thể hiện các hộ giáp ranh ký tên, qua đó bà phát hiện chữ ký của bà là không đúng (vì bà không hề ký). Đặc biệt là diện tích của thửa 652 diện tích 880m² (trong đó đất thổ cư 300m² và đất trồng cây lâu năm 580m²) được xác định trong biên bản và trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Ngô Văn T ký ngày 10/6/2003. Nhưng khi cấp giấy chứng nhận cho ông Ngô Văn T diện tích lại là 984,9m². So sánh diện tích đất khi ông T được cho năm 2003 và diện tích đất khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009 thì có sự chênh lệch thừa 104,9m² đây là diện tích đường nước tưới tiêu từ kênh Tham Thu vào ruộng của bà. Nay bà yêu cầu ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th trả lại phần đất đường nước có chiều ngang 4m, chiều dài 40m thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp T, xã Y, huyện G, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H03805 cấp ngày 15/7/2009 cho ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th.

** Tại văn bản lời khai của bị đơn ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày:*

Nguồn gốc tài sản tranh chấp và nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết có nguồn gốc của bà Lê Thị N là bà ngoại của ông T và cũng là bà nội của bà Ngô Thị H là người có phần đất giáp ranh với phần đất của ông ở phía Bắc. Nguồn gốc đất của ông và phần đất của bà H, đều do bà Lê Thị N cho các con trước đây. Khoảng năm 1985, mẹ của ông là bà Ngô Thị G đã được bà ngoại cho đất và trực tiếp sử dụng khoảng 4.000m² đất trong đó có thửa 652 diện tích là 880m² đất thổ, lâu năm. Đến năm 1996, bà Gắm đã đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 070 ngày 17/12/1996 với diện tích chung 3.990m² trong đó phần đất thổ + lâu năm, diện tích 880m² có số thửa 652. Vì lúc còn nhỏ đến trưởng thành ông T ở chung với bà Gắm, nên khi có gia đình riêng thì được bà Gắm cho trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất này (thời gian từ năm 1995 ông T đã sử dụng

và khi kết hôn vợ chồng ông mới trồng dừa lâu năm và hiện còn sống). Hiện trạng lúc nhận sử dụng đất không có đường dẫn nước nào là của bà Lê Thị N để lại. Đến năm 2003, mẹ ông làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông đổi toàn bộ diện tích thửa 652 (trộn thửa), không đo đạc cụ thể lúc làm thủ tục chuyển quyền mà làm thủ tục chuyển trộn thửa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 070 ngày 17/3/2004 do ông Ngô Văn T đứng tên, không có đường dẫn nước nào là của bà Lê Thị N để lại. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông tiếp tục san lấp cải tạo thửa đất (trước đây đất hà lã) để tạo phần đất cây lâu năm và nhà ở như hiện nay vì lúc nhận sử dụng, hiện trạng nền đất rất thấp, nên phải san lấp lại và khi đăng ký lại để cấp quyền sử dụng đất cơ quan quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện G đã đến đo đạc trực tiếp thửa đất đang sử dụng (theo dự án VLAP), vì vậy có việc biến động tăng về diện tích từ 880m² lên 984,9m² khi cấp quyền sử dụng đất lại vào năm 2009, nhưng vị trí thửa đất, tứ cận hoàn toàn không thay đổi từ năm 2003 đến năm 2009, chuyển thửa 652 thành thửa mới 85, diện tích là 984,9m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03805 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 15/7/2009, do vợ chồng ông cùng đứng tên. Cùng thời điểm cho đất bà Gấm, bà Lê Thị N cũng cho đất bà Ngô Thị H một thửa đất, liền kề thửa đất của ông về phía Bắc, không có cho đường nước nào. Bà Lê Thị N đã cho mẹ ông sử dụng thửa đất này từ năm 1985, bà Gấm đã sử dụng ổn định, không tranh chấp đến năm 1996 và đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Như vậy, tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất cho bà Gấm thì không còn quyền sử dụng đất là đường dẫn nước của bà Năm trên thửa đất của bà Gấm nữa. Đến năm 2003, mẹ ông tiếp tục chuyển quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông trộn thửa 652 thửa cũ, thửa mới 85) cũng không có đường dẫn nước nào của bà Lê Thị N trên đất lúc mẹ ông chuyển quyền cho ông, việc Ủy ban nhân dân huyện G lập thủ tục cấp quyền sử dụng cho vợ chồng ông có chữ ký đồng ý của bà H (do bà H nài ra) hay không ông hoàn toàn không nhớ. Do đó, việc bà H khởi kiện cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông trong đó có diện tích đất tăng lên khi cấp quyền sử dụng đất năm 2009 (nhưng thực tế thửa đất có vị trí tứ cận không thay đổi từ năm 2003 đến năm 2009), trong đó có phần diện tích đất ngang 4m, dài 40m (diện tích 160m²) là đường nước thuộc quyền sử dụng đất của bà Lê Thị N và bởi vì bà Năm đã cho bà H đường nước này (không có gì chứng minh) nên thuộc quyền sử dụng đất của bà H và yêu cầu vợ chồng ông trả lại đất là không có căn cứ. Phần đất thổ, lâu năm ông đang sử dụng có diện tích 984,9m² ông đã làm hàng rào lưới B40 làm ranh, phía trong cách hàng rào khoảng gần 1m ông đã trồng một hàng dừa từ hơn 20 năm nay, không có dấu tích gì của đường dẫn nước và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông cũng không thể hiện có đường dẫn nước từ kênh Tham Thu vào thửa đất ruộng của bà H. Vì tình nghĩa gia đình trong quá trình sử dụng đất vợ chồng ông có cho bà H sử dụng đường dẫn nước trên thửa đất nhưng sau đó bà H tranh chấp (năm 2007) yêu cầu phải cấp quyền sử dụng đất đường nước này cho bà H, ông không đồng ý việc này mà chỉ cho bà H sử dụng thời điểm từ năm 2007 về trước, bà H không đồng ý (lúc hòa giải tại xã Y) nên không còn sử dụng đường nước này từ năm 2007 cho đến nay do đã sử dụng một đường nước khác. Do đó, việc bà H khởi kiện tiếp tục đòi quyền sử dụng phần diện tích này, vợ chồng ông không đồng ý từ năm 2007 và nay ông vẫn không đồng ý yêu cầu của bà H. Thửa đất 85 ông đang trực tiếp sử dụng ổn định và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với Nhà nước nên Ủy ban nhân dân huyện G đã xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03805 ngày 15/7/2009 do ông và bà Th đứng tên là hợp lệ và phù hợp với pháp luật đất đai. Nay ông T, bà Th không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

** Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị S trình bày:*

Bà Lê Thị N và ông Ngô Văn Ngọc có 6 người con là Ngô Văn Lung (đã chết có 5 người con là Ngô Thị H, Ngô Thị Đ, Ngô Văn T1, Ngô Văn T2, Ngô Thị Th); Ngô Thị G; Ngô Thị Đẹt (đã chết có 4 người con là Phạm Văn D, Phạm Minh T3, Phạm Minh C1, Phạm Thị Kim Thủy); Ngô Thị L; Ngô Thị C. Về nguồn gốc đất bà Lê Thị N có cho bà Ngô Thị G phần đất có diện tích 880m² nằm liền kề với một con đường dẫn nước vào ruộng phía sau của bà Năm. Bà Năm chỉ cho phần đất diện tích 880m² chứ không cho con đường nước này. Đến năm 2003 bà Gấm chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho con mình là Ngô Văn T phần đất 880m² trước được bà Năm cho. Ông T được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 880m². Nhưng đến năm 2009 ông T có đơn xin cấp lại quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện G cấp lại lên đến 984,9m². Phần chênh lệch này chính là con đường dẫn nước của bà Năm sau này là của bà Ngô Thị H, đường nước ngang 4m dài khoảng 40m do bà Lê Thị N để lại.

** Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Gấm trình bày:*

Bà không nhớ phần đất mà bà cho ông Ngô Văn T để cất nhà ở thuộc thửa đất số mấy, trên phần đất này có đường nước nằm giáp với gò mã của nhà bà L. Đường nước này rộng lắm không biết bao nhiêu mét. Phần đường nước này thì khi cho đất ông T thì bà có cho luôn đường nước này. Trong vụ án này bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án

** Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn H trình bày:*

Anh là con ruột của bà Ngô Thị G (chết ngày 27/3/2022), bà Gấm chỉ có hai người con là ông và ông Ngô Văn T, còn chồng, cha mẹ của bà Gấm đã chết từ lâu. Sau khi xảy ra tranh chấp giữa bà Ngô Thị H với Ngô Văn T thì bà H sử dụng đường dẫn nước từ kênh số 1 (kênh này giáp ranh với ấp Bình Nhựt, xã Thành Công) qua ruộng của ông để đưa nước vào ruộng bà H, bà H sử dụng từ lúc xảy ra tranh chấp cho đến nay. Giữa ông với bà H có thỏa thuận miệng là ông sử dụng đất của bà H 4,5m, đất giáp với đất của ông, còn bà H sử dụng đường nước qua đất của ông đến khi nào bà H kiện ông T xong thì bà H trả lại đường nước cho ông và ông trả lại bà H 4,5m² đất nêu trên. Hiện nay, ông có đặt ống thoát nước âm trên đất của ông và ông cho bà H dẫn nước và thoát nước qua ống nước âm này. Ông xin vắng mặt tại Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị B, Ngô Thị Đ, Ngô Văn T1, Ngô Văn T2, Ngô Thị Th trình bày: thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H.*

** Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim Thủy trình bày: thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H.*

** Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị C, Ngô Thị L trình bày: thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H.*

** Tại văn bản lời khai của Ủy ban nhân dân huyện G trình bày:*

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00070.QSĐĐ ngày 17/3/2004, thửa 652, tờ bản đồ số 1, diện tích 880,0m² cho ông Ngô Văn T. Năm 2009 ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03805 cấp ngày 15/7/2009 thửa số 85, tờ bản đồ số 6, diện tích 984,9m² (tăng 104,9m²) nguyên nhân tăng có diện tích đường nước. Thửa đất của ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th cặp ranh phía đông thửa đất giáp đất bà Phạm Thị Lùng có đường nước từ kênh Tham Thu ra ruộng bà Ngô Thị H (hiện nay ông Ngô Văn T đã lấp đường nước này, nhưng còn ống cống xi măng đặt ngang qua kênh) có biên bản làm việc ngày 15/5/2018. Phần diện tích 104,9m² xác định là đường nước do ông Ngô Văn T lấp, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th. Ủy ban nhân dân huyện G không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 197/2023/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng Điều 174, 177, 227, 228, 233, 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 166, 203 Luật đất đai; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H về việc yêu cầu ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th trả lại phần đất đường nước có chiều ngang 4m, chiều dài 40m diện tích 104,9m² (đo đạc là 161,9m²) thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 6, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03805 cấp ngày 15/7/2009 do ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th đứng tên, tọa lạc tại ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 17 tháng 7 năm 2023, nguyên đơn bà Ngô Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu: công nhận quyền sử dụng đất diện tích 104,9m² là của bà và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03805 ngày 15/07/2009 của ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T1, người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà H. Bị đơn Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc Th không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị Ngọc Th phân tích cho rằng: Phần diện tích đất tranh chấp không nằm trong thửa 563 của bà Ngô Thị H; biên bản hòa giải ngày 21/8/2007 của Ủy ban nhân dân xã thì bà Ngô Thị H có trình bày xin mở đường nước, nếu quyền sử dụng đất của bà H thì lý do nào bà H xin bà Gấm mở đường nước. Bản án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H là có căn cứ. Bà Ngô Thị H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Ngô Thị H thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ủy ban nhân dân huyện G xin vắng mặt và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Phạm Văn Ng, Phạm Văn D, Phạm Minh T3, Phạm Minh C1, Phạm Thị Kim Thủy và ông Ngô Văn H vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

[2.1] Bà Ngô Thị H đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 077.QSĐĐ ngày 17/12/1996 với diện tích 4.570m² trong đó có thửa 653, diện tích 3.890m² mục đích sử dụng 2L (bút lục 329, 321).

Ngày 08/01/1996, bà Ngô Thị G làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 070.QSĐĐ ngày 17/12/1996 diện tích 3.990m² trong đó có thửa 652, diện tích 880m² mục đích sử dụng T + LN (bút lục 174-175). Năm 2003, bà Ngô Thị G chuyển nhượng cho ông Ngô Văn T thửa 652, diện tích 880m² và ông Ngô Văn T được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận QSD đất số 00070.QSĐĐ ngày 17/3/2004 (bút lục 176-179). Năm 2009, ông Ngô Văn T thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03805 ngày 15/7/2009 thửa 85, tờ bản đồ số 6, diện tích 984,9m².

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngô Thị H và bị đơn Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc Th đều thừa nhận nguồn gốc hai phần đất của ông T, bà Th với phần đất của bà H là của bà Lê Thị N (bà ngoại của ông T, bà nội của bà H).

[2.2] Năm 2015, bà Ngô Thị H phát sinh tranh chấp cho rằng phần diện tích đường nước bà được bà Lê Thị N cho và bà đã sử dụng từ năm 1985, nên khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận QSD đất của ông Ngô Văn T và được UBND huyện G hướng dẫn bà thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án nhân dân nhưng bà Ngô Thị H không thực hiện mà tiếp tục khiếu nại. Đến ngày 20/6/2018, UBND huyện G ban hành Quyết định số 2205/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số H03805 ngày 15/7/2009 của ông Ngô Văn T. Ngày 03/10/2018, ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th khởi kiện Quyết định số 2205/QĐ-UBND tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết bằng bản án hành chính sơ thẩm số 45/2018/HCST ngày 20/11/2018 với quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của ông Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc Th, hủy Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND huyện G.

[2.3] Nguyên đơn Ngô Thị H, đại diện theo ủy quyền Ngô Thị S khởi kiện yêu cầu bị đơn Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc Th trả cho bà đường nước có chiều ngang 4m dài 40m thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 6 cho bà. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết.

[2.4] Theo Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 14/5/2020 của Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện G thể hiện diện tích tranh chấp là 161,9m² (bút lục 225).

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ngô Thị S, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngô Thị H chỉ yêu cầu bị đơn trả diện tích 104,9m², lý do thửa 562 của ông Ngô Văn T có diện tích ban đầu là 880m² nhưng khi đo đạc lại và cấp đổi giấy mới thì diện tích là 984,9m², tăng 104,9m² và diện tích dư này là diện tích đường nước của bà H.

[3] Xét, yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngô Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Căn cứ vào sơ đồ giải thửa của tờ bản đồ số 1 và sơ đồ thửa đất 563 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 077.QSĐĐ ngày 17/12/1996 của bà Ngô Thị H thể hiện thửa 653 là hình chữ nhật và có tứ cận giáp các thửa 652, 659, 656, 654 và thửa 550. Sơ đồ không thể hiện có phần diện tích đất từ thửa 653 ra kênh Tham Thu. Tương tự, thửa đất 562, diện tích 880m² mục đích sử dụng T + LN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 070.QSĐĐ ngày 17/12/1996 của bà Ngô Thị G cũng hình chữ nhật và có tứ cận giáp với các thửa 551, thửa 653, thửa 660 và Kênh Tham Thu, không thể hiện giáp đường nước (bút lục 287).

[3.2] Theo tờ bản đồ số 6 năm 2008, thì thửa 653 diện tích 3.890m² có số thửa mới là 60, diện tích 4.007,3m², tăng 117,3m² và tứ cận giáp các thửa 58, 61, 85, 86 và 35; còn thửa 652 diện tích 880m² có số thửa mới là 85, diện tích 984,9m², tăng 104,9m² và có tứ cận giáp các thửa 84, 60, 86 và đường đất, cũng không thể hiện có giáp đường nước (bút lục 288).

[3.3] Nguyên đơn Ngô Thị H cho rằng phần đường nước đang tranh chấp nằm trong thửa 2273 theo sổ mục kê 299 mà bà Lê Thị N đăng ký và bà đã được bà Lê Thị N cho, nhưng theo sơ đồ 299 thì thửa 2273 giáp các thửa 2274, 2275, 2277, 2272, 2270, không thể hiện đường nước và giáp kênh (bút lục 192). Trong khi đó, theo bản án hành chính số 45/2018/HCST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, bà Ngô Thị S (người đại diện của bà Ngô Thị H) cho rằng bà Lê Thị N cho bà H thửa số 2425 diện tích 576m² (ngang 04m, dài 144m) được sử dụng làm đường nước tưới tiêu từ kinh Tham Thu vào ruộng bà H. Như vậy, lời trình bày của nguyên đơn Ngô Thị H có sự mâu thuẫn về nguồn gốc phần đường nước tranh chấp và bà H cũng không có chứng cứ chứng minh vấn đề này. Đồng thời, thời điểm năm 1996, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 cho người dân căn cứ vào không ảnh. Năm 2009, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án VLAP đo đạc thực tế nên có chênh lệch về diện tích, nhưng tứ cận thửa 653 và thửa 652 không thay đổi. Tại văn bản số 3040/VPĐKĐĐ-TTTLT ngày 03/11/2020 của Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang cũng không xác định được thửa đất 652, tờ bản đồ số 1 mà bà Ngô Thị G đứng tên quyền sử dụng đất với diện tích 880m² vào năm 1998, thuộc thửa đất nào của bà Lê Thị N kê khai trong sổ mục kê 299.

[3.4] Từ những phân tích trên cho thấy, bản án sơ thẩm nhận định bà Ngô Thị H không có chứng cứ gì chứng minh phần đất đường nước mà bà Ngô Thị H yêu cầu ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th trả lại 104,9m² (đo đạc là 161,9m²) là của bà Lê Thị N cho bà H, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị H, là có căn cứ.

[4] Bà Ngô Thị H kháng cáo những không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh diện tích 104,9m² (diện tích đo đạc thực tế 161,9m²) thuộc thửa 653 của bà H đứng tên.

[5] Xét, đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị Ngọc Th, là có căn cứ.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Ngô Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí, nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 197/2023/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H về việc yêu cầu ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th trả lại phần đất đường nước có chiều ngang 4m, chiều dài 40m diện tích 104,9m² (đo đạc là 161,9m²) thuộc thửa số 85, tờ bản đồ số 6, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03805 cấp ngày 15/7/2009 do ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Th đứng tên, tọa lạc tại ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho bà Ngô Thị H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND huyện G;
 - Chi cục THADS huyện G;
 - Các đương sự;
 - Công bố bản án trên cổng TTĐT;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2023-Tâm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm